**Phụ lục II**

**MẪU BÁO CÁO THEO DÕI THỰC HIỆN**

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**

**NÔNG THÔN MỚI**

*(kèm theo Thông tư số* ***05****/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017*

*của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Mẫu số 01.** **Báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-… | *…, ngày … tháng …năm…* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm…**

Thực hiện Quy chế quản lý điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, *(Tên cơ quan báo cáo)* báo cáo kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm ... (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

Đề nghị quý Cơ quan tổng hợp./.

*Các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo kèm theo phụ biểu số 01*

*Các tỉnh báo cáo kèm theo phụ biểu số 02 và 03*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  - Bộ Tài chính;  …  - Lưu: VT, ….. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phụ biểu 01** *(Kèm theo Mẫu số 01)*

**Kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm…**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung/hoạt động** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Vốn phân bổ** | **Ghi chú** |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |
| 1 | Hoạt động 1 |  |  |  |  |
| 2 | Hoạt động 1 |  |  |  |  |
|  | ….. |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**Phụ biểu 02** *(Kèm theo Mẫu số 02)*

**Kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm…**

**(Vốn đầu tư phát triển và trái phiếu Chính phủ)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đối tượng** | **Số xã** | **Vốn bình quân/xã** | **Tổng vốn** | **Ghi chú** |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |
| **I** | **Các xã ưu tiên** |  |  |  |  |
| 1 | Xã nghèo, đặc biệt khó khăn |  |  |  |  |
|  | - Xã dưới 5 tiêu chí |  |  |  |  |
|  | - Xã bãi ngang |  |  |  |  |
|  | - Xã biên giới |  |  |  |  |
|  | - Xã ATK |  |  |  |  |
|  | - Xã thuộc Chương trình 30a |  |  |  |  |
| 2 | Xã từ 15 tiêu chí trở lên |  |  |  |  |
| **II** | **Các xã còn lại** |  |  |  |  |

**Phụ biểu 03** *(Kèm theo Mẫu số 02)*

**Kết quả phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm…**

**(Vốn sự nghiệp)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiền** | **Ghi chú** |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |
| **I** | **Vốn bố trí cho cấp tỉnh, huyện** |  |  |
| 1 | Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị |  |  |
| 2 | Hỗ trợ phát triển các hình thức tổ chức sản xuất |  |  |
| 3 | Đào tạo nghề cho lao động nông thôn |  |  |
| 4 | Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn |  |  |
| 5 | Môi trường |  |  |
| 6 | Phát triển giáo dục ở nông thôn |  |  |
| 7 | Nội dung khác |  |  |
| **II** | **Hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp** |  |  |
| **III** | **Vốn bố trí cho cấp xã** |  |  |
| 1 | Triển khai các hoạt động |  |  |
| 2 | Duy tu bảo dưỡng các công trình |  |  |

**Mẫu số 02. Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Chương trình của các Bộ, cơ quan Trung ương**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-… | *…, ngày … tháng …năm…* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

**6 tháng ... năm /năm...**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG.../NĂM...**

**1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công** *(tại các văn bản: Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình công tác hàng năm của Ban Chỉ đạo Trung ương; ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại các cuộc họp)*

- Ban hành cơ chế, chính sách, hướng dẫn triển khai các tiêu chí, chỉ tiêu, nội dung thành phần được phân công chủ trì;

- Ban hành hướng dẫn, định mức đầu tư đối với các công trình cơ sở hạ tầng thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước được phân công;

- Xây dựng hướng dẫn, cơ chế, các giải pháp đã thực hiện để huy động thêm nguồn lực để thực hiện các nội dung của các Bộ, ngành;

- Kết quả nguồn lực đã huy động được;

- Việc lồng ghép các chương trình mục tiêu, dự án của Bộ, ngành để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**2. Công tác truyền thông**

Kết quả thực hiện truyền thông, tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới

**3. Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua**

Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

**4. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của Chương trình theo lĩnh vực quản lý Nhà nước, nội dung thành phần được phân công;

- Kiểm tra, đánh giá tại các địa bàn được phân công.

**5. Kết quả thực hiện kế hoạch vốn được giao**

Kết quả thực hiện và giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch được giao

**6. Kết quả thực hiện Chương trình của địa phương**

Kết quả thực hiện của các địa phương trên cả nước về các tiêu chí nông thôn mới, nội dung thành phần theo chức năng quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành.

**II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỦ YẾU, NGUYÊN NHÂN**

**1. Tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công**

- Những vấn đề đang là tồn tại, hạn chế; tác động đối với việc triển khai Chương trình;

- Nguyên nhân.

**2. Tồn tại, hạn chế trong thực hiện Chương trình**

- Những vấn đề đang là tồn tại, hạn chế; tác động đối với việc triển khai Chương trình;

- Nguyên nhân.

**III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG... /NĂM...**

**1. Mục tiêu kế hoạch**

**2. Các nhiệm vụ trọng tâm**

Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

**2. Giải pháp thực hiện**

Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, cơ chế lồng ghép, phối hợp để nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đề xuất, kiến nghị với Trung ương**

**2. Đề xuất, kiến nghị đối với các địa phương**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - …;  - ….  - Lưu: VT, ….. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 03. Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cấp tỉnh, huyện**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-UBND | *…, ngày … tháng …năm…* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

**6 tháng ... năm /năm...**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**1. Công tác tuyên truyền, vận động**

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

d) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

**2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình**

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo các cấp.

b) Kết quả kiện toàn bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp

c) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình; sự phối hợp giữa các Sở, Ban ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ cho xây dựng NTM. Các nguyên nhân chủ yếu của hạn chế

**3. Ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện**

a) Đánh giá việc ban hành các văn bản để hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định của Trung ương.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương, trong đó tập trung vào một số nội dung trọng tâm:

- Cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án trên địa bàn;

- Cơ chế giao quyền chủ đồng cho người dân và cộng đồng trong thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã;

- Cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng đường giao thông; thu gom, xử lý rác thải, chất thải; chính sách hỗ trợ lãi vay tín dụng phục vụ phát triển sản xuất…

- Cơ chế chính sách để huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là huy động từ người dân.

- Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và đầu tư sản xuất công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn.

- Chính sách liên kết hợp tác đa dạng giữa hộ nông dân với doanh nghiệp và các đối tác kinh tế khác.

- Cơ chế chính sách đối với xã, huyện chỉ đạo điểm.

c) Đánh giá hiệu quả các cơ chế chính sách đã ban hành, đề xuất những nội dung cần sửa đổi để thúc đẩy thực hiện Chương trình trong giai đoạn tới.

*(Bổ sung số liệu cụ thể theo Phụ biểu số 04 kèm theo)*

**4.** **Tổ chức** **đào tạo, tập huấn cán bộ thực hiện Chương trình**

a) Kết quả về xây dựng tài liệu; tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thực hiện Chương trình ở các cấp.

b) Đánh giá hiệu quả công tác đào tạo; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới**

- Kết quả quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng vùng, miền.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

- Đánh giá về chất lượng quy hoạch, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

**2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng: theo các nhóm tiêu chí, theo nguồn vốn; số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình chủ yếu *(giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch…)*

b) Tổng vốn huy động và vốn đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.

c) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân.

**3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân**

- Triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Công tác khuyến nông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn;

- Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; kết quả thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.

- Phát triển ngành nghề nông thôn bao gồm (bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề);

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Những khó khăn, vướng mắc

**4. Giảm nghèo và an sinh xã hội**

- Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn.

- Những khó khăn, vướng mắc

**5. Phát triển giáo dục ở nông thôn**

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi

- Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ

- Phổ cập giáo dục tiểu học

- Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Những khó khăn, vướng mắc

**6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.**

- Kết quả xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở

- Những khó khăn, vướng mắc

**7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.**

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

- Kết quả nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

- Những khó khăn, vướng mắc

**8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.**

- Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

- Những khó khăn, vướng mắc

**9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.**

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cán bộ, công chức xã

- Kết quả cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

- Kết quả đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Kết quả thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.**

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn.

- Kết quả thực hiện xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**11. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

- Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ, cộng đồng, người dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát tại địa phương.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực**

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp

- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân *(nếu có).*

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 05 kèm theo)*

b) Kết quả phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương theo quy định*.*

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 02 và 03 nếu có sự điều chỉnh)*

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 06 kèm theo)*

c) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 07 kèm theo)*

d) Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.

e) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

f) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân.

**7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM**

Số huyện, xã đạt chuẩn; số xã đạt theo nhóm tiêu chí;

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 08 kèm theo)*

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những kết quả nổi bật đã đạt được**

**2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân**

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM.../NĂM...**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung.**

**2. Mục tiêu cụ thể:**

- Số huyện, xã đạt chuẩn nông thôn mới đến.

- Bình quân tiêu chí/xã, các tiêu chí sẽ hoàn thành, số xã đạt dưới 05 tiêu chí.

- Chất lượng cuộc sống của cư dân nông thôn: Thu nhập, tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, môi trường…

**II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện**

**2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình**

**III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Tổng mức vốn.**

**2. Cơ cấu nguồn lực:**

a) Ngân sách Nhà nước:Trực tiếp và lồng ghép; ngân sách các cấp;

b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp;

c) Vốn tín dụng;

d) Vốn doanh nghiệp;

e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

**3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện**

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - …;  - ….  - Lưu: VT, ….. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04. Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cấp xã**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-… |  | *…, ngày … tháng …năm…* |

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

**6 tháng ... năm /năm...**

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

**1. Công tác tuyên truyền, vận động**

a) Đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân để phát huy vai trò trong quá trình thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Kết quả triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

c) Đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đối với việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

d) Những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân

**2. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình**

a) Kết quả kiện toàn Ban Chỉ đạo xã và bố trí cán bộ chuyên trách xây dựng nông thôn mới của xã.

b) Đánh giá chung về những thuận lợi, hạn chế liên quan đến bộ máy chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình; sự phối hợp giữa các cấp, ngành, các chương trình, dự án trên địa bàn phục vụ cho xây dựng NTM. Các nguyên nhân chủ yếu của hạn chế

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới**

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt từng vùng, miền.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội - môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có trên địa bàn xã.

- Đánh giá về chất lượng quy hoạch, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

**2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội**

a) Kết quả về xây dựng cơ sở hạ tầng: theo các nhóm tiêu chí, theo nguồn vốn; số liệu cụ thể về kết quả thực hiện các công trình chủ yếu *(giao thông, trường học, trạm y tế, nước sạch…)*

b) Tổng vốn huy động và vốn đã thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng: phân theo tiêu chí và nguồn vốn.

c) Đánh giá chung về mức độ đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí đạt thấp và nguyên nhân.

**3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân**

- Thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; thu hút doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn xã;

- Đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp; kết quả thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.

- Phát triển ngành nghề nông thôn bao gồm (bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề);

- Đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

- Những khó khăn, vướng mắc

**4. Giảm nghèo và an sinh xã hội**

- Kết quả thực hiện các mục tiêu giảm nghèo.

- Kết quả thực hiện các Chương trình an sinh xã hội ở xã, thôn.

- Những khó khăn, vướng mắc

**5. Phát triển giáo dục ở nông thôn**

- Kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi

- Kết quả xóa mù chữ và chống tái mù chữ

- Phổ cập giáo dục tiểu học

- Thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Những khó khăn, vướng mắc

**6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.**

- Kết quả xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở

- Những khó khăn, vướng mắc

**7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn.**

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

- Kết quả nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.

- Những khó khăn, vướng mắc

**8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề.**

- Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn.

- Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

- Những khó khăn, vướng mắc

**9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.**

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu cán bộ, công chức xã

- Kết quả cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công.

- Kết quả đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Kết quả thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.**

- Kết quả thực hiện đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự xã hội địa bàn nông thôn.

- Kết quả thực hiện xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, đảm bảo giữ vững chủ quyền quốc gia.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**11. Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

- Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ, cộng đồng, người dân.

- Công tác kiểm tra, giám sát tại địa phương.

**-** Những khó khăn, vướng mắc

**12. Kết quả huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực**

a) Kết quả huy động các nguồn lực để thực hiện Chương trình, phân theo các nguồn:

- Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp

- Ngân sách Trung ương; ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn lồng ghép các chương trình, dự án; tín dụng; đầu tư của doanh nghiệp; đóng góp của người dân *(nếu có).*

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 09 kèm theo)*

b) Kết quả thực hiện các nguồn vốn

*(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 10 và 11 kèm theo)*

c) Kết quả thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù.

d) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

e) Đánh giá chung về công tác huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực; những thuận lợi, khó khăn; nguyên nhân.

**7. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM**

Số tiêu chí đạt chuẩn *(Bổ sung số liệu chi tiết theo Phụ biểu số 12 kèm theo)*

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những kết quả nổi bật đã đạt được**

**2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân**

**Phần thứ hai**

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM.../NĂM...**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung.**

**2. Mục tiêu cụ thể:**

- Số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

…

**II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Dự kiến những nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện**

**2. Đề xuất giải pháp để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả triển khai Chương trình**

**III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Tổng mức vốn.**

**2. Cơ cấu nguồn lực:**

a) Ngân sách Nhà nước:Trực tiếp và lồng ghép; ngân sách các cấp;

b) Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp;

c) Vốn tín dụng;

d) Vốn doanh nghiệp;

e) Vốn huy động từ người dân và cộng đồng.

**3. Dự kiến kế hoạch vốn theo các nội dung thực hiện**

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - ….;  - ….  - Lưu: VT, ….. | **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  *(Ký tên, đóng dấu)* |